TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số 323/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2026
(V/v tranh chấp Ly hôn
và con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.
Hội thẩm nhân dân: Ông Mè Văn Hội.
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.
Ngày 24/7/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2026/TLST-HNGĐngày 05/02/2026, về việc " *Tranh chấp ly hôn và con chung"* ; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2026, giữa các đương sự*:*
Nguyên đơn: Chị Thân Thị Thùy T - Sinh ngày 15/4/1993(Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã M, tỉnh Bắc Ninh.
Bị đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh ngày 28/11/1994(Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã M, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và phiên tòa, nguyên đơn là chị Thân Thị Thùy T trình bày: Chị T và anh Bùi Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Cũ) năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc sau đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh Q không quan tâm gia đình, bỏ mặc vợ con sống, nợ nần do cờ bạc.Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2023 thì vợ chồng ly thân đến nay, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 14/12/2018 hiện đang sinh sống cùng chị T. Ly hôn thì chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng.Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn là anh Q vắng mặt suốt quá trình tố tụng, không tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì.

3. Đại diện Viện KSND Khu vực D- Bắc Ninh tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị căn cứ các Điều 26,35,39,227,228 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51,56 và 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,xử:

Quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn anh Q.

Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh K, sinh ngày 14/12/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1].Về thủ tục tố tụng: Anh Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tống đạt các văn bản tố tụng lần hai hợp lệ nên việc xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1].Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ giải quyết theo Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị T trình bày mâu thuẫn do không hợp nhau, anh Q không quan tâm gia đình, bỏ mặc vợ con sống, nợ nần do cờ bạc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh Q không tham gia tố tụng, không ý kiến gì. Do vậy Tòa án nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần giải quyết cho chị T và anh Q được ly hôn .

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 14/12/2018, sinh sống với chị T, hiện đang học tập và phát triển khỏe mạnh. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì cháu K cũng có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng chị T. Xét thấy ý kiến trên của chị T và cháu K là tự nguyện, không trái pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự và lợi ích của con chung. Do vậy cần giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[2.3].Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[3].Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26,35,39,227,228, các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51,56,58, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị Thùy T và anh Bùi Văn Q được ly hôn.

2.Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh K, sinh ngày 14/12/2018. Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4.Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Thân Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001148 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án, anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Mè Văn Hội Nguyễn Thị Thu T1 **Nguyễn Văn K1**